

Số: /TTr-STC

Lai Châu, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH

**Đề nghị ban hành Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
ban hành Quy định danh mục, thời gian sử dụng để tính hao
mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; danh mục tài sản cố
định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu**

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25/6/2025; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15; Thông tư số 141/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Công văn số 581/UBND-KTN ngày 23/01/2026 của UBND tỉnh về chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp; căn cứ chức năng, nhiệm vụ Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức soạn thảo dự thảo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Thực hiện quy định tại Thông tư số 141/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp đã điều chỉnh thẩm quyền ban hành danh mục tài sản cố định đặc thù và danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình từ Ủy ban nhân dân tỉnh sang Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể:

+ Danh mục tài sản cố định đặc thù: Tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 141/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ Tài chính quy định “Căn cứ vào tình hình thực tế và yêu cầu quản lý đối với những tài sản quy định tại điểm này, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt

trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương (sau đây gọi là Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương), Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh hoặc Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đối với địa phương hợp nhất Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Văn phòng Hội đồng nhân dân (sau đây gọi là Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) ban hành Danh mục tài sản cố định đặc thù tại các đơn vị thuộc phạm vi quản lý (theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này) để thống nhất quản lý”.

+ Danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình: Tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 141/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ Tài chính quy định “Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương (theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này). Trường hợp có khó khăn, vướng mắc trong việc quy định thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thì đề nghị lấy ý kiến của Bộ quản lý chuyên ngành có liên quan”.

- Đồng thời, Thông tư số 141/2025/TT-BTC đã điều chỉnh một số loại tài sản từ tài sản cố định vô hình sang tài sản cố định đặc thù, như: quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng.

- Tại mục 3 Công văn số 257/BTC-QLCS ngày 09/01/2026 của Bộ Tài chính, Bộ Tài chính yêu cầu các địa phương ban hành danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý và ban hành danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý.

2. Cơ sở thực tiễn

Để triển khai thực hiện Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Sở Tài

chính đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 28/2023/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 quy định danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu. Trong quá trình triển khai thực hiện, Quyết định số 28/2023/QĐ-UBND đã tạo cơ sở pháp lý để các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh thực hiện thống nhất việc quản lý, theo dõi, hạch toán, tính hao mòn tài sản cố định vô hình và quản lý tài sản cố định đặc thù; góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công, bảo đảm công khai, minh bạch và đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên ngày 31/12/2025, Chính phủ đã ban hành Thông tư số 141/2025/TT-BTC, thay thế Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính và có hiệu lực từ ngày 01/01/2026. Theo đó, Thông tư số 141/2025/TT-BTC đã điều chỉnh thẩm quyền ban hành danh mục tài sản cố định đặc thù và danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình từ Ủy ban nhân dân tỉnh sang Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời có sự điều chỉnh về phân loại một số loại tài sản.

Do vậy, Quyết định số 28/2023/QĐ-UBND không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành về thẩm quyền ban hành và một số nội dung liên quan. Việc xây dựng và ban hành Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu là cần thiết nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; phù hợp với quy định mới của Bộ Tài chính và đáp ứng yêu cầu quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

1. Mục đích

Hoàn thiện hệ thống quy định về quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, bảo đảm thống nhất, đồng bộ với các quy định tại Thông tư số 141/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Làm cơ sở pháp lý để các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc quản lý, theo dõi, hạch toán, tính hao mòn đối với tài sản cố định vô hình và quản lý, sử dụng tài sản cố định đặc thù một cách chặt chẽ, đúng quy định, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Quan điểm chỉ đạo

Bảo đảm hợp hiến, hợp pháp, đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn

bản hướng dẫn thi hành; nội dung quy định phải bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật, kế thừa các quy định hiện hành đã được thực tiễn triển khai hiệu quả, đồng thời phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

Trong quá trình xây dựng dự thảo văn bản, Sở Tài chính đã ban hành Công văn số 1306/STC-GCS ngày 19/01/2026 đề nghị các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường tham gia đề xuất danh mục tài sản cố định đặc thù; danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý.

Trên cơ sở ý kiến đề xuất của các cơ quan, đơn vị và căn cứ các quy định pháp luật hiện hành, Sở Tài chính đã tổng hợp, rà soát và xây dựng dự thảo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

Sau khi hoàn thành dự thảo, Sở Tài chính đã ban hành văn bản số/STC-GCS ngày/2026 để xin ý kiến tham gia đối với dự thảo Quyết định. Toàn bộ hồ sơ, nội dung dự thảo Quyết định được gửi Trung tâm Tin học và Công báo tỉnh để đăng tải lấy ý kiến trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Lai Châu tại mục “Lấy ý kiến về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật” theo quy định.

Kết thúc thời gian lấy ý kiến, Sở Tài chính đã nghiên cứu, tổng hợp, tiếp thu ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị; thực hiện rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo Quyết định và gửi Sở Tư pháp thẩm định. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số/BC-STP ngày/2026, Sở Tài chính đã hoàn thiện dự thảo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh:

(1). Quyết định này quy định danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

(2). Quyết định này không điều chỉnh đối với: Các cơ quan, đơn vị của Đảng trên địa bàn tỉnh; Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh (bao gồm cả tổ chức chính trị - xã hội); Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.

(3). Các nội dung khác liên quan đến chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định của Thông tư số 141/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2026 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

1.2. Đối tượng áp dụng: Các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu; Các tổ chức tài chính nhà nước ngoài ngân sách được áp dụng theo cơ chế tài chính, cơ chế quản lý tài sản của đơn vị sự nghiệp công lập; Doanh nghiệp có tài sản cố định do Nhà nước giao quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Bố cục của dự thảo quyết định

Nội dung Quyết định của UBND tỉnh ban hành quy định, theo mẫu số 22 ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ. Dự thảo Quyết định gồm 5 Điều.

3. Nội dung cơ bản

3.1. Danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; danh mục tài sản cố định đặc thù

(1). Danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình quy định chi tiết tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Quyết định này.

(2). Danh mục tài sản cố định đặc thù quy định chi tiết tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Quyết định này.

*** Căn cứ đề xuất:**

a) Về danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình

- Khái niệm:

+ Tại điểm b khoản 1 Điều 4 Thông tư số 141/2025/TT-BTC quy định “Tài sản cố định vô hình là những tài sản không có hình thái vật chất mà cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đã đầu tư chi phí tạo lập tài sản hoặc được hình thành qua quá trình hoạt động; gồm: (i) Loại 1: Quyền sử dụng đất; (ii) Loại 2: Sản phẩm phần mềm; (iii) Loại 3: Tài sản cố định vô hình khác”.

+ Tại khoản 3 Điều 15 Thông tư số 141/2025/TT-BTC quy định “Thời gian sử dụng để tính hao mòn tài sản cố định quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này được xác định là hạn sử dụng của tài sản khi xác định

trường hợp, điều kiện thanh lý tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công”.

- Căn cứ xây dựng: Về danh mục sản phẩm phần mềm căn cứ các Thông tư của Bộ Thông tin và Truyền thông (*Thông tư số 09/2013/TT-BTTTT ngày 08/4/2013 ban hành danh mục sản phẩm phần mềm và phần cứng, điện tử; được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 20/2021/TT-BTTTT ngày 03/12/2021 và Thông tư số 11/2024/TT-BTTTT ngày 23/9/2024*). Về thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình, trên cơ sở kế thừa Quyết định số 28/2023/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu; căn cứ đề xuất của các cơ quan, đơn vị và thực tiễn quản lý, sử dụng tài sản trên địa bàn tỉnh, Sở Tài chính đề xuất giữ nguyên thời gian sử dụng để tính hao mòn là 05 năm và tỷ lệ hao mòn là 20%/năm đối với tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi điều chỉnh. Việc kế thừa mức thời gian và tỷ lệ hao mòn nhằm bảo đảm tính ổn định, thống nhất trong công tác hạch toán kế toán và quản lý tài sản công; đồng thời phù hợp với đặc điểm, vòng đời khai thác của tài sản cố định vô hình trên địa bàn tỉnh (*chu kỳ nâng cấp, thay thế phổ biến từ 03–05 năm*), bảo đảm phản ánh hợp lý mức độ hao mòn và điều kiện thực tế của địa phương.

b) Về danh mục tài sản cố định đặc thù

- Khái niệm: Tại điểm c khoản 1, Điều 4 Thông tư số 141/2025/TT-BTC quy định “*Tài sản cố định đặc thù; gồm: (i) Loại 1: Những tài sản không xác định được chi phí hình thành và không đánh giá được giá trị thực nhưng yêu cầu phải quản lý chặt chẽ về hiện vật; (ii) Loại 2: Các quyền thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về sở hữu trí tuệ (gồm quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng); (iii) Loại 3: Thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập*”.

- Căn cứ xây dựng:

+ Đối với tài sản cố định đặc thù loại 1 (*Những tài sản không xác định được chi phí hình thành và không đánh giá được giá trị thực nhưng yêu cầu phải quản lý chặt chẽ về hiện vật*): Trên cơ sở đề xuất của sở chuyên ngành (*Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch*) và Ủy ban nhân dân các xã, phường về nhu cầu quản lý đối với một số tài sản mang tính đặc thù của địa phương; đồng thời căn cứ yêu cầu thực tiễn quản lý, bảo tồn, khai thác giá trị tài sản, dự thảo Quyết định tổng hợp, xác định đưa vào danh mục tài sản cố định đặc thù để thống nhất quản lý.

+ Đối với tài sản cố định đặc thù loại 2 (*các quyền thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về sở hữu trí tuệ*): Tại Quyết định số 28/2023/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, các quyền sở hữu trí tuệ (*quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp,*

quyền đối với giống cây trồng...) được xác định là tài sản cố định vô hình để tính hao mòn. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 Thông tư số 141/2025/TT-BTC, các quyền này được phân loại là tài sản cố định đặc thù. Do đó, dự thảo Quyết định kế thừa toàn bộ các danh mục đã được quy định tại Quyết định số 28/2023/QĐ-UBND và thực hiện điều chỉnh các quyền nêu trên thuộc danh mục tài sản cố định đặc thù theo quy định của Thông tư số 141/2025/TT-BTC, đồng thời bảo đảm thống nhất với quy định tại Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội (*được sửa đổi, bổ sung bởi: Luật số 36/2009/QH12 ngày 19/6/2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14/6/2019, Luật số 07/2022/QH15 ngày 16/6/2022, Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27/6/2025*).

+ Đối với tài sản cố định đặc thù loại 3 (*thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập*): Căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 Thông tư số 141/2025/TT-BTC và trên cơ sở đề xuất của các đơn vị sự nghiệp công lập, dự thảo Quyết định đưa thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập vào danh mục tài sản cố định đặc thù để quản lý thống nhất, bảo đảm ghi nhận, theo dõi và khai thác phù hợp với quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật chuyên ngành có liên quan.

3.2. Tổ chức thực hiện

(1). Các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ nội dung quy định tại Quyết định này thực hiện hạch toán kế toán, theo dõi và quản lý tài sản theo đúng quy định.

(2). Trong quá trình tổ chức thực hiện, các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ quản lý chuyên ngành có trách nhiệm thường xuyên cập nhật và kiến nghị các khó khăn vướng mắc (nếu có) gửi văn bản về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn đối với tài sản quy định tại Điều 3 Quyết định này.

3.3. Hiệu lực thi hành

(1). Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

(2). Trường hợp văn bản dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

(3). Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA/BAN HÀNH

1. Dự kiến nguồn lực, điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Quyết định

Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu khi được thông qua vẫn sử dụng bộ máy và công chức hiện có để thực hiện; không làm phát sinh thêm tổ chức bộ máy và biên chế nên không làm phát sinh tăng kinh phí tuân thủ do không phát sinh các chi phí hành chính liên quan đến việc triển khai thực hiện Quyết định.

2. Thời gian trình thông qua/ban hành: Dự kiến thời gian ban hành tháng 4 năm 2026.

VI. TÀI LIỆU GỬI KÈM

(1) Dự thảo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

(2) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

(3) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp.

(4) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

(5) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về dự thảo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh.

Trên đây là Tờ trình của Sở Tài chính về dự thảo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định danh mục, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, Sở Tài chính kính trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD Sở (báo cáo);
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, GCS.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Quý Dương